TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 260/2025/HNGĐ - ST Ngày: 29 - 12 - 2025. V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Bà Dương Thị Vui.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm C N, xã R, tỉnh Ninh Bình.

+ Bị đơn Anh Phạm Văn L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm C N, xã R, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị T tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Văn L vào 04/11/2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Sau khi anh L đi xuất khẩu lao động ở N về, tình

cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định giữa chị và anh L có 02 con chung là cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 01/01/2007 và cháu Phạm Thùy C, sinh ngày 06/01/2014. Hiện hai cháu đều đang sống cùng mẹ. Hiện cháu L1 đã trưởng thành. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Phạm Thùy C, không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Phạm Văn L vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, liên lạc với anh L lên Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh L cố tình vắng mặt và không hợp tác. Tòa án đã làm việc với bà Lại Thị U, là mẹ đẻ anh Phạm Văn L. Bà U cho biết anh L hiện đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên đi về và liên lạc với gia đình. Do anh L đi làm ăn không về được nên có nhờ gia đình trình bày với Tòa án: Anh nhất trí thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Anh L không muốn ly hôn nhưng chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh nhất trí. Anh L nhất trí để chị T trực tiếp nuôi cháu Phạm Thùy C, anh không đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng anh L cho con bao nhiêu là quyền của anh. Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lại Thị U và bà U cam kết thông báo cho anh Phạm Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Phạm Thùy C trình bày: Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng xin ở cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh L không còn nên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L; Về con chung: Giao cháu Phạm Thùy C, sinh ngày 06/01/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là là xã R, tỉnh Ninh Bình). Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh L và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn L vắng mặt, Tòa án đã niêm yết công khai và thông báo cho anh L nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L vào tháng 11 năm 2005 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến cãi nhau do không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh L đã được Tòa án thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không về để tham gia giải quyết vụ án và có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy vợ chồng ly thân nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, khả năng đoàn tụ là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh L nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L có có 02 con chung là cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 01/01/2007 và cháu Phạm Thùy C, sinh

ngày 06/01/2014. Hiện cháu L1 trên 18 tuổi, đã trưởng thành. Hai con đều đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T xin nhận trực tiếp nuôi cháu C, không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh L nhất trí theo đề nghị của chị T. Xét việc xin nhận nuôi con chung là cháu C và không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình của chị T thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, bản thân cháu C có nguyện vọng xin ở với mẹ vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Phạm Thùy C, sinh ngày 06/01/2014cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001458 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh.
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Rạng Đông.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

Trần Trọng Ích